

# **CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX**

## **DỰ ÁN CUNG CẤP VÀ TRIỂN KHAI PHẦN MỀM QUẢN TRỊ NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ XĂNG DẦU PETROLIMEX TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PHÂN HỆ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ**

**PTC - ERP**

Ngày tạo tài liệu: 09/04/2019

Ngày sửa cuối cùng: 09/04/2019

Mã tài liệu: PTC-ERP\_UG\_CO

Phiên bản: 0 02

## MỤC LỤC

<b>1. PHẠM VI TÀI LIỆU .....</b>	<b>2</b>
1.1 Phạm vi tài liệu .....	2
1.2 Thuật ngữ và viết tắt .....	2
1.3 Ý nghĩa các hình trên hình vẽ .....	2
<b>2. CÁC THÔNG TIN CHUNG CỦA HỆ THỐNG.....</b>	<b>3</b>
2.1 Các khái niệm thường gặp .....	3
2.2 Danh sách các phím tắt thường dùng.....	3
2.3 Danh sách các loại giao dịch phân hệ kế toán quản trị.....	3
<b>3. HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ DANH MỤC TỪ ĐIỂN .....</b>	<b>4</b>
3.1 Mục đích .....	4
3.2 Danh mục trung tâm chi phí .....	4
3.3 Danh mục loại hình kinh doanh.....	8
3.4 Danh mục phương thức bán hàng.....	9
3.5 Danh mục mặt hàng.....	9
3.6 Danh mục nhóm chiều phân tích .....	10
3.7 Danh mục công thức phân bổ chi phí .....	12
<b>4. QUY TRÌNH GHI NHẬN DOANH THU CHI PHÍ CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG... 13</b>	
4.1 Mục đích .....	13
4.2 Sơ đồ nghiệp vụ .....	14
4.3 Hướng dẫn thực hiện.....	14
<b>5. QUY TRÌNH PHÂN BỐ CHI PHÍ CHUNG SANG CÁC CHIỀU PHÂN TÍCH 16</b>	
5.1 Mục đích .....	16
5.2 Sơ đồ nghiệp vụ .....	17
5.3 Hướng dẫn thực hiện.....	17

## 1. PHẠM VI TÀI LIỆU

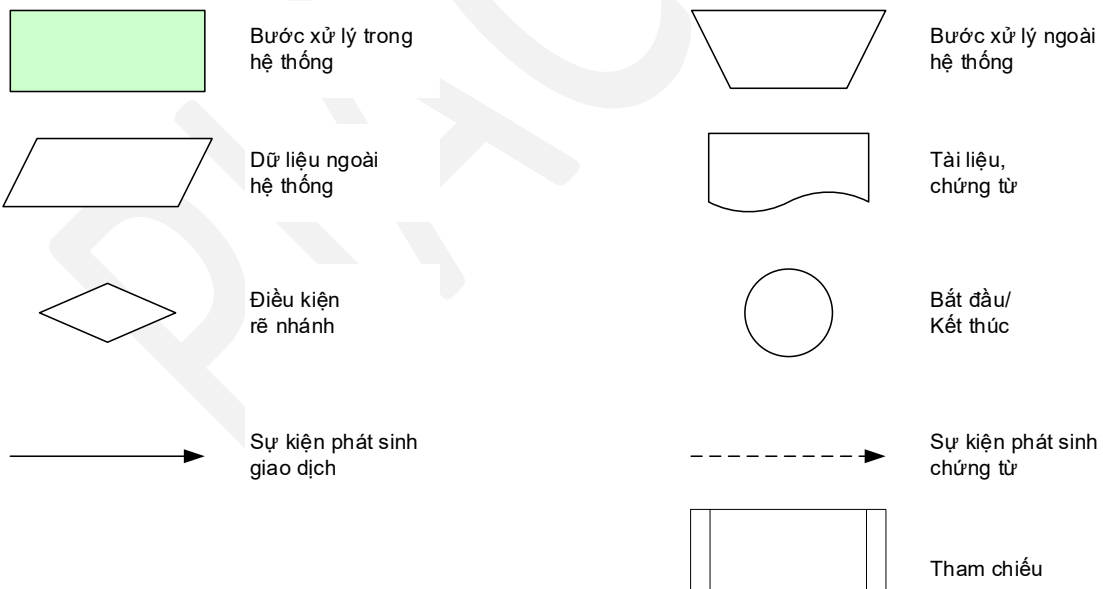
### 1.1 Phạm vi tài liệu

Tài liệu này được xây dựng nhằm mục đích hướng dẫn người sử dụng các quy trình, thao tác và chức năng thuộc phân hệ kế toán quản trị trên phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp.

### 1.2 Thuật ngữ và viết tắt

STT	Thuật ngữ/ Từ viết tắt	Diễn giải
1	Transaction code - Tcode	Mã giao dịch hạch toán
2	TTCP	Trung tâm chi phí
3	VPTCTY	Văn phòng Tổng công ty
4	CTY	Công ty
5	CN	Chi nhánh
6	TSCĐ	Tài sản cố định
7	Controlling (CO)	Phân hệ kế toán quản trị
8		
9		

### 1.3 Ý nghĩa các hình trên hình vẽ



**Lưu ý:** tài liệu này chỉ tập trung hướng dẫn chi tiết các bước xử lý trong hệ thống ERP.



### 3. HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ DANH MỤC TỪ ĐIỂN

#### 3.1 Mục đích

Nhằm quản lý các đối tượng sử dụng chi phí, phân tích hiệu quả kinh doanh. Quy trình theo dõi và chỉnh sửa và cập nhật thông tin danh mục đối tượng quản trị khi có phát sinh thay đổi. Có 02 đối tượng quản trị chính:

- **Trung tâm chi phí** là các đối tượng trên hệ thống dùng để ghi nhận chi phí phát sinh trong các màn hình nhập liệu của các phân hệ khác. Trung tâm chi phí là các đối tượng sử dụng chi phí tại các đơn vị, được phân loại theo cấu trúc tổ chức như sau:
  - Khối văn phòng: bao gồm các phòng ban nghiệp vụ
  - Khối cửa hàng/ tổ xe: là các đơn vị trực tiếp sản xuất kinh doanh
- **Chiều phân tích kinh doanh:** Là các khía cạnh phân tích hiệu quả lãi/lỗ kinh doanh, bóc tách từng đối tượng giúp người quản trị nắm bắt thông tin kịp thời:
  - Loại hình kinh doanh
  - Phương thức bán hàng
  - Mặt hàng
  - Phương tiện vận tải (đối với chi nhánh)

#### 3.2 Danh mục trung tâm chi phí

*Mục đích sử dụng:* Danh mục trung tâm chi phí đã được khai báo từ thời điểm triển khai, người dùng thực hiện thêm mới/chỉnh sửa thông tin nếu có sự thay đổi theo thực tế phát sinh như: Tách/gộp phòng ban, xây dựng cửa hàng mới, bổ sung phòng ban mới, thành lập tổ/đội xe mới.

- **Đường dẫn:** Costing/ Từ điển/ Trung tâm chi phí



Thông tin một Trung tâm chi phí chi tiết:

**Trung tâm chi phí**

<> Save Delete Back ?

Số TT chi phí 100100 (\*)

Tên TT chi phí Chi phí chung (\*)

Cấp cha 1 - KHỐI VĂN PHÒNG

Cost center group 1 - Cấu trúc tổ chức (\*)

Địa điểm 100000 - Văn phòng Tổng công ty (\*)

Phòng ban

Đội xe

Phân loại TK chi phí 2 - Chi phí quản lý (\*)

Posting Account 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (\*)

Phân bổ tiếp

Is overhead One -> Many (\*)

TK chi phí dở dang

Acct Final (variant) or TR type code for finish product

Finish Product TrType

Distribution Formula 01 - Chi phí chung tới Các phòng ban

Chu kỳ 1

Use status Active (\*)

Thông tin phân bổ chi phí

lựa chọn công thức phân bổ nếu chọn One -> Many

- Giải thích trường thông tin


STT	Trường thông tin	Diễn giải	Mặc định	Bắt buộc
1	Số TT Chi phí	Mã trung tâm chi phí, quy tắc đặt mã XXXYYYYZ - XXX: mã company code - Y: 1 – phòng ban nghiệp vụ, 2 – Cửa hàng, tổ xe - ZZZ: ký tự tăng dần		X
2	Tên TT chi phí	Tên đầy đủ của TT chi phí theo thực tế		X
3	Cấp cha	Trung tâm chi phí phân cấp mức cao hơn trong cơ cấu		
4	Nhóm TT chi phí	Phân nhóm theo chức năng hoạt động của TTCP: + Phòng ban – cấu trúc tổ chức + Cửa hàng – bán hàng + Tổ xe – Dịch vụ		X
5	Địa điểm	Vị trí thực tế của trung tâm chi phí		X
6	Phòng ban	Gán Trung tâm chi phí với cơ cấu tổ chức (danh mục Phòng ban), nếu không có thì để trống		
7	Phân loại chi phí	Phân loại theo chức năng hoạt động của chi phí: chi phí bán hàng, sản xuất, dịch vụ, xây dựng cơ bản		X
8	Posting account	Các loại tài khoản được ghi nhận vào Trung tâm chi phí		X
9	Phân bổ tiếp	Xác định loại TTCP có thể phân bổ cho các đối tượng khác hay không		
10	Is Overhead	Mô tả loại trung tâm chi phí (phân bổ hay không phân bổ): - Final: Chi phí ghi nhận vào TTCP này mang tính thống kê, không phân bổ tiếp cho các đối tượng khác - One -> Many: Chi phí hạch toán vào TTCP này, cuối kỳ sẽ phân bổ cho		

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Mặc định	Bắt buộc
		các TTCP khác. Sử dụng cho các trung tâm chi phí chung. - To All Demensions : Là TTCP chi tiết, cuối kỳ phân bổ chi phí cho các chiều phân tích.		
11	Distribution formula	Lựa chọn công thức phân bổ cần sử dụng cho Trung tâm chi phí. Chỉ áp dụng đối với loại TTCP “One -> Many” ở trên. Cách khai báo tiêu thức phân bổ chi tiết tham khảo mục <b><u>3.7 – Công thức phân bổ chi phí</u></b>		
12	Chu kỳ	Thứ tự phân bổ trước – sau của Trung tâm chi phí: 1 – Vòng 1 2 – Vòng 2 .. người dùng điền số tự nhiên tăng dần		
13	Use status	Active: đang hoạt động Treo: đang tạm dừng In-active: không hoạt động Đối với các trung tâm chi phí đã ngừng sử dụng, chỉ cần chuyển trạng thái In-active, không nên xóa để có thể xem được dữ liệu phát sinh trong quá khứ		

Trung tâm chi phí được bố trí xuất hiện tại các màn hình cập nhật chi phí phát sinh đầu vào như: phiếu chi, công nợ phải trả, quyết toán nhiên liệu. Khi hạch toán chi phí bắt buộc phải điền 1 trung tâm chi phí để xác định đối tượng sử dụng.

Cách tạo mới một trung tâm chi phí từ một TTCP đã có:

Bước 1: Mở TTCP đã sẵn có

Bước 2: Nhấn vào nút 



Bước 3: Chỉnh sửa lại thông tin bên trong theo TTCP mới, đặc biệt lưu ý sửa Số TT chi phí để tránh bị lưu đè làm mất thông tin của TTCP cũ.

Bước 4: Nhấn **Copy (Save As)** để lưu lại TTCP mới

### 3.3 Danh mục loại hình kinh doanh

- **Đường dẫn:** Costing/ Từ điển/ Danh mục loại hình kinh doanh

Mô tả các loại hình kinh doanh chính của đơn vị, xác định theo mảng kinh doanh của đơn vị. Đối tượng này là một khía cạnh phân tích hiệu quả kinh doanh, xác định mảng kinh doanh nào là trọng yếu, mảng kinh doanh nào mang lại hiệu quả kinh tế nhất, mảng nào yếu kém cần cải tổ lại.

Khi đơn vị xác định mảng kinh doanh mới mang tính chiến lược, thực hiện khai báo bổ sung tại danh mục này. Với các mảng kinh doanh nhỏ lẻ, có thể sử dụng chung Loại hình 02 – kinh doanh hàng hóa khác và 09 – dịch vụ khác.

- **Giải thích trường thông tin**

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Mặc định	Bắt buộc
1	Mã	Mã loại hình kinh doanh		X
2	Tên	Tên của loại hình kinh doanh		x

3	Ghi chú	Thông tin bổ sung diễn giải cho loại hình kinh doanh		
---	---------	--	--	--

### 3.4 Danh mục phương thức bán hàng

- Đường dẫn: Costing/ Từ điển/ Phương thức bán hàng

**Phương thức bán hàng**

||| Add Save (Ctrl-S) Refresh Search:  Any ▾ >

Mã	Tên	T-Code	Nhóm Khách	Ghi chú
1 11	Bán nội bộ Tổng công ty	IX	C01	
2 12	Bán buôn trực tiếp			
3 13	Nhượng quyền thương mại	DOXK,DOX,GL1,GL2,AI	C02	
4 14	Bán lẻ	BLCH,A5,A4	C03	
5 15	Dịch vụ	AR	C02,C03	
6 18	Phương thức khác			

Được xác định bởi 2 yếu tố: loại giao dịch và nhóm khách hàng

- Giải thích trường thông tin

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Mặc định	Bắt buộc
1	Mã	Mã phương thức bán, click vào mã để chỉnh sửa chi tiết		X
2	Tên	Tên phương thức bán		X
3	T-code	Mã giao dịch để lấy thông tin về phương thức bán		
4	Nhóm khách	Mã nhóm khách để định danh phương thức bán		
5	Ghi chú	Diễn giải bổ sung thông tin cho phương thức bán hàng		

### 3.5 Danh mục mặt hàng

- Đường dẫn: Costing/ Từ điển/ Danh mục mặt hàng

**Mặt hàng**

||| Add Save (Ctrl-S) Refresh Search:  Any ▾ ▶

Mã	Tên	Loại hình kinh doanh
1 0201001	Xăng RON 92-II	01 - Xăng dầu
2 0201002	Xăng RON 95-II	01 - Xăng dầu
3 0201003	Xăng RON 97	01 - Xăng dầu
4 0201004	Xăng E5 RON 92-II	01 - Xăng dầu
5 0201005	Xăng E10 RON 92	01 - Xăng dầu
6 0201032	Xăng RON95-III	01 - Xăng dầu
7 0201042	Xăng RON95-IV	01 - Xăng dầu
8 0301003	Hóa chất	03 - Dịch vụ bên bãi
9 0501001	Dầu hỏa	01 - Xăng dầu
10 0601001	DO 0.25S	01 - Xăng dầu
11 0601002	DO 0.05S-II	01 - Xăng dầu
12 0601003	DO 0.5S	01 - Xăng dầu
13 0601005	DO 0.001S-V	01 - Xăng dầu
14 0701001	Mazut No2B (3,5S)	01 - Xăng dầu
15 0701002	Mazut No2B (3,0S)	01 - Xăng dầu
16 0701003	Mazut No3 (380)	01 - Xăng dầu
17 5100003	Dịch vụ bên bãi	03 - Dịch vụ bên bãi

- Khai báo bổ sung các mặt hàng phân tích kinh doanh  
- Gán Mặt hàng với loại hình kinh doanh tương ứng

- **Giải thích trường thông tin**

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Mặc định	Bắt buộc
1	Mã	Mã chiều phân tích mặt hàng		X
2	Tên	Tên mặt hàng		X
3	Loại hình	Gán loại hình kinh doanh của mặt hàng đó		X
4	Ghi chú	Diễn giải bổ sung thông tin		

**3.6 Danh mục nhóm chiều phân tích**

- Dùng để tạo nhóm chiều phân tích hiệu quả kinh doanh, nhằm mục đích khai báo nhóm đối tượng cho Tài sản cố định, Chi phí trả trước.

- **Đường dẫn:** Costing/ Từ điển/ Danh mục nhóm chiều phân tích

**View/Edit Dimensions Groups**

Save Refresh Clear

Item_ID	Description	Loại hình kinh doanh	PTBH	Mặt hàng
1 1	Xăng dầu - Bán lẻ	01 - Xăng dầu	14 - Bán lẻ	
2 2	Hàng hóa khác	02 - Hàng hóa khác		
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

Tạo nhóm các chiều phân tích để ghi nhận vào các màn hình khai báo danh mục Tài sản cố định, Chi phí trả trước

- **Giải thích trường thông tin**

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Mặc định	Bắt buộc
1	Item_ID	Mã nhóm chiều phân tích		X
2	Diễn giải	Mô tả thông tin của nhóm chiều phân tích		
3	Loại hình kinh doanh	Lựa chọn loại hình kinh doanh		
4	Phương thức bán	Lựa chọn phương thức bán hàng		
5	Mặt hàng	Lựa chọn từ danh mục mặt hàng đã tạo		

#### - Tạo mã tài sản

**Đường dẫn:** Accounting/ TSCĐ/ Danh mục tài sản

Tham khảo UG FI Mục 10.3 hướng dẫn chi tiết quản lý danh mục tài sản, đối tượng **Chiều phân tích**. Khi chạy khấu hao, hệ thống sẽ ghi nhận chi phí theo đối tượng đã khai báo tại mã tài sản

**TSCĐ**

<> Save Delete Back ?

Mã 111001 (\*)

Tên Nhà điều hành và hệ thống mái Petrolimex-CH10: (\*)

Nhóm 111 - Nhà điều hành (\*)

Loại TSCĐ Tài sản (\*)

Số tháng KH 300

Khấu hao/tháng

Ngày bắt đầu KH 20/10/2019

Ngày chứng từ 20/10/2019

TK chi phí 641 - Chi phí bán hàng

PP KH Linear monthly

Ngày dừng KH

Ngày hết KH 2044-10-19

Khoản mục phí 0411 - Chi phí khấu hao TSCĐ hữu hình (\*)

Trung tâm CP 100201 - Petrolimex - Cửa hàng 101 (\*)

Chiều phân tích

Trạng thái 1 - Xăng dầu - Bán lẻ

Đơn vị 2 - Hàng hóa khác (\*)

Địa điểm PETROLIMEX-CỬA HÀNG 01 (\*)

Tên ngắn

Tên quốc tế

Nước sản xuất Năm sản xuất

NCC

Mã tại NCC ĐVT

PTVC Số khung

Tài sản liên quan

Nguồn gốc 1-Tự sản xuất

Ghi chú

#### - Tạo công thức phân bổ chi phí trả trước

**Đường dẫn:** Accounting/ TSCĐ/ Danh mục tài sản

Tham khảo UG FI Mục 14.2 hướng dẫn chi tiết khai báo công thức phân bổ chi phí trả trước, đối tượng Chiều phân tích

### 3.7 Danh mục công thức phân bổ chi phí

- Đường dẫn: Costing/ Từ điển/ Công thức phân bổ chi phí chung

The screenshot displays the 'Công thức phân bổ chi phí chung' (Common Cost Allocation Formula) management screen. At the top, there are buttons for 'Add', 'Save (Ctrl-S)', and 'Refresh', along with a search bar. Below this is a table listing existing formulas:

Mã	Diễn giải	Data source
1 01	Chi phí chung tới Các phòng ban	Số lượng nhân viên phòng ban
2 02	Chi phí chung phân bổ xuống khối CH	Doanh thu theo mặt hàng

The detailed view for formula '01' shows the following fields:

- Mã: 01 (\*)
- Diễn giải: Chi phí chung tới Các phòng ban (\*)
- Data source: Số lượng nhân viên phòng ban (selected from a dropdown menu)

The dropdown menu for 'Data source' includes the following options:

- Số lượng nhân viên phòng ban
- Doanh thu theo nhóm hàng hóa
- Lãi gộp theo nhóm hàng hóa
- Doanh thu theo mặt hàng
- Lãi gộp theo mặt hàng
- Doanh thu theo phương thức bán hàng
- Lãi gộp theo phương thức bán hàng
- Số lượng nhân viên phòng ban

- Giải thích trường thông tin

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Mặc định	Bắt buộc
1	Mã	Mã công thức phân bổ. Sử dụng trong việc tạo/sửa trung tâm chi phí, trường Distribution formula		X
2	Diễn giải	Mô tả tên của công thức phân bổ		X
3	Data source	Tiêu thức phân bổ		

Thông thường đối với chi phí chung tại văn phòng: khai báo tiêu thức phân bổ là Số lượng nhân viên trong phòng/ban.

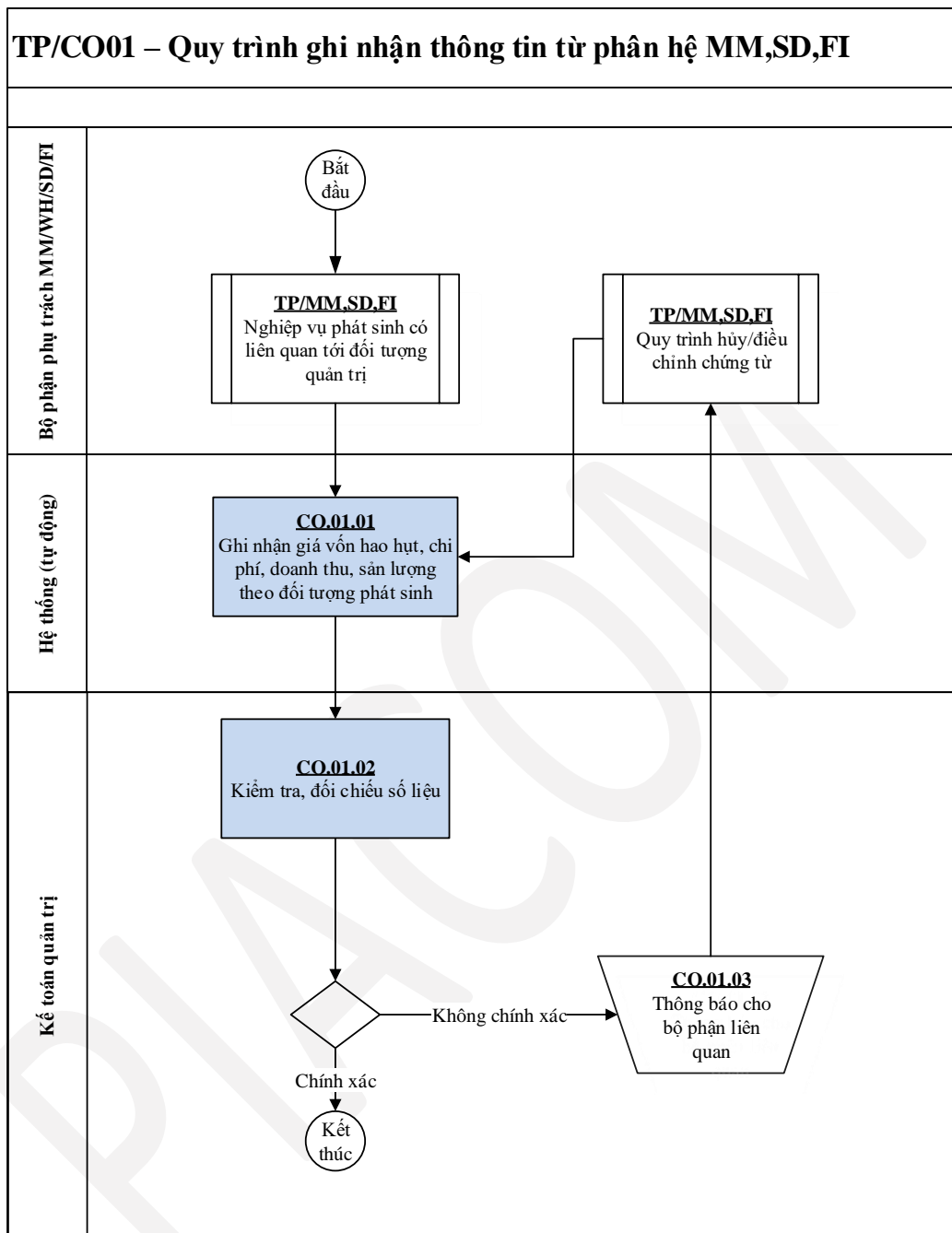
Đối với phân bổ chi phí xuống tổ xe: tiêu thức phân bổ là sản lượng luân chuyển quy đổi (m3km) của từng tổ xe.

## **4. QUY TRÌNH GHI NHẬN DOANH THU CHI PHÍ CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG**

### **4.1 Mục đích**

- Quy trình này mô tả các bước tiếp nhận thông tin theo đối tượng quản trị:
  - Từ phân hệ Mua hàng sang phân hệ kế toán quản trị (Chi phí, hao hụt, xuất sử dụng vật tư, nhiên liệu, ...)
  - Từ phân hệ Bán hàng sang phân hệ kế toán quản trị (Sản lượng bán, Doanh thu, Giá vốn, Chi phí, hao hụt,...)
  - Từ phân hệ Kế toán tài chính sang phân hệ kế toán quản trị (Ghi nhận Doanh thu dịch vụ, Các khoản giảm trừ doanh thu, Giá vốn điều chỉnh, Chi phí quản lý, chi phí bán hàng, Chi phí sản xuất, ...)
- Quy trình áp dụng tại VPTCty, CN
- Các giao doanh thu, chi phí phát sinh bằng ngoại tệ sẽ được quy đổi theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Tại các màn hình nhập liệu, thông qua các đối tượng quản trị (trung tâm chi phí, mặt hàng, loại giao dịch,...). Dữ liệu được cập nhật về phân hệ kế toán quản trị. Cuối kỳ, để phân bổ được chi phí chung, người dùng load dữ liệu doanh thu, tiêu thức phân bổ từ các đối tượng phát sinh trong kỳ.

## 4.2 Sơ đồ nghiệp vụ



## 4.3 Hướng dẫn thực hiện

### 4.3.1 Đường dẫn

- Tham chiếu tới các phân hệ FI, SD, MM do là quy trình cập nhật tự động từ các phân hệ khác

### 4.3.2 Hướng dẫn chi tiết

- Thu nhận thông tin từ phân hệ mua hàng, bán hàng: Ghi nhận trực tiếp theo các chiều phân tích kinh doanh. Số liệu bán hàng về doanh thu, giá vốn được cập



nhập về Kế toán quản trị thông qua các tài khoản và các đối tượng về mặt hàng, loại giao dịch, khách hàng, nhóm khách hàng.

- Phân hệ kế toán tài chính: Khi hạch toán các tài khoản chi phí/ doanh thu, hệ thống yêu cầu nhập thông tin các đối tượng quản trị trước khi lưu chứng từ.

**Ghi nhận công nợ phải trả**

Ngày 9/4/2020 23:54 Số tham chiếu

Ghi chú Ghi nhận dịch vụ sửa chữa thiết bị in ấn

Tỷ giá ngân hàng:

**Công nợ phải trả** Hóa đơn VAT

Loại tiền VND Tỷ giá 1

TK công nợ phải trả 3311 - Phải trả người bán hàng hóa, dịch vụ Nhà cung cấp TK đối ứng Đối tượng Nội dung Số tiền

TK công nợ phải trả	TK đối ứng	Đối tượng	Nội dung	Số tiền
1	642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	1215 - Chi phí sửa chữa công cụ văn phòng (máy tính, máy in)	Cung cấp thiết bị in ấn	1 200 000
<b>Soạn thảo dòng 1</b>				
2	Trung tâm chi phí	5011000 - Chi phí văn phòng chung	Tuyến đường	
3	LHKD		Xe	
4	PTBH		Lãi suất	
5	Hàng hóa			

- Đối với chi phí 641, 642: bắt buộc nhập Trung tâm chi phí


- Đối với Doanh thu/ Giá vốn dịch vụ: bắt buộc nhập LHKD (loại hình kinh doanh), PTBH (phương thức bán)

- Đối với khoản điều chỉnh doanh thu/ giá vốn hàng hóa hạch toán bên FI: bắt buộc điền LHKD, PTBH, Hàng hóa

Di chuyển lên xuống đối với chứng từ có nhiều dòng hạch toán, sử dụng công cụ



để chuyển qua các dòng nhập liệu.

Người dùng chọn thông tin chi tiết cho mỗi dòng soạn thảo từ các danh mục đã có sau đó nhấn nút  để lưu lại.

- Các đối tượng tập hợp chi phí:
  - o Trung tâm chi phí
  - o Loại hình kinh doanh
  - o Phương thức
  - o Hàng hóa
  - o Tuyến đường (đối với Vận tải)
  - o Xe (đối với Vận tải)
- Với Chi phí bán hàng, Chi phí quản lý doanh nghiệp: Bắt buộc xác định đối tượng Trung tâm chi phí, các đối tượng chiều phân tích còn lại xác định tùy thuộc vào bản chất nghiệp vụ thực tế phát sinh.
- Chi phí phát sinh tại Văn phòng, phòng ban: chi phí xác định chỉ ghi nhận trên văn phòng, không phân bổ xuống các cửa hàng
- Chi phí phát sinh tại cửa hàng: Ghi nhận trực tiếp vào Trung tâm chi phí cửa hàng
- Với chi phí sản xuất: phải xác định thuộc loại hình kinh doanh dịch vụ nào
- Với các chi phí mà tại thời điểm phát sinh, người dùng xác định đối tượng ghi nhận đích danh theo từng đối tượng, nếu chưa xác định được đối tượng tập hợp chi phí cụ thể nào thì để trống. Cuối kỳ thực hiện phân bổ cho các đối tượng chi tiết. Càng hạch toán chi tiết thì độ chính xác của thông tin quản trị càng lớn, hạn chế tối đa các chi phí chung phân bổ.

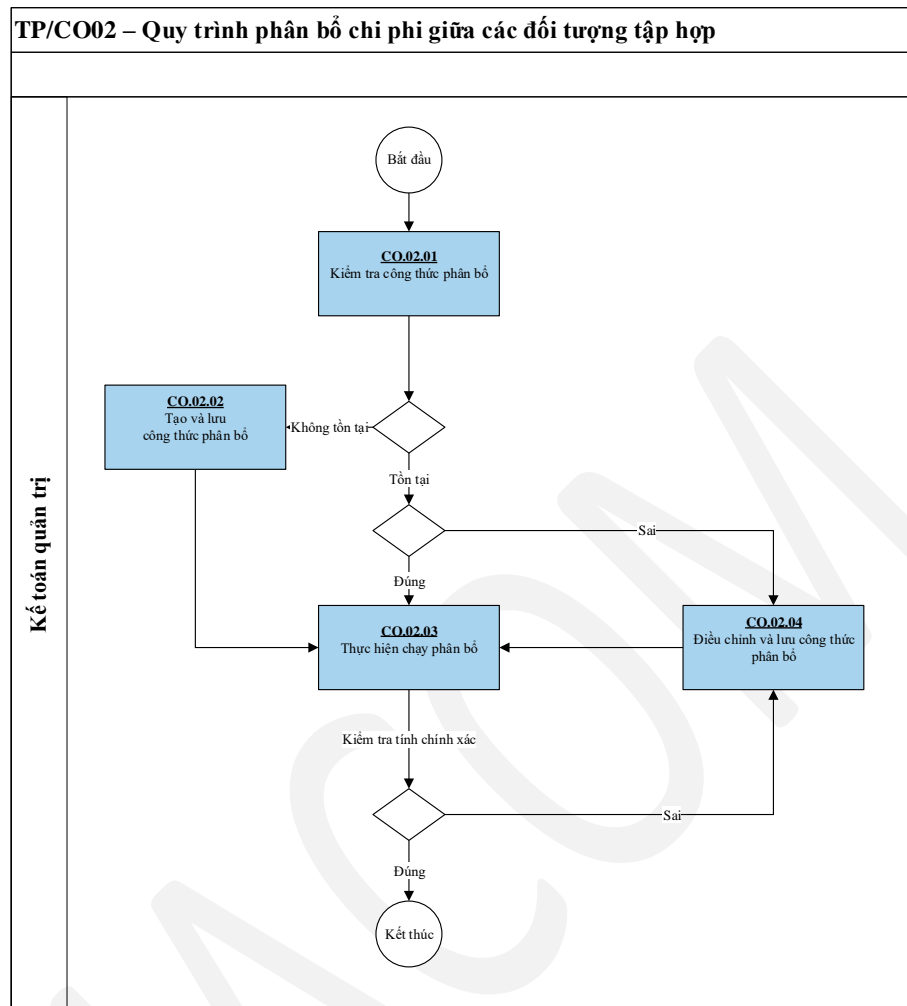


## 5. QUY TRÌNH PHÂN BỐ CHI PHÍ CHUNG SANG CÁC CHIỀU PHÂN TÍCH

### 5.1 Mục đích

- Điều kiện thực hiện: Phân bổ chi phí là công việc chủ yếu của người làm kế toán quản trị. Công việc được thực hiện cuối kỳ (hàng tháng), sau khi bộ phận kinh doanh hoàn tất ghi nhận số liệu sản lượng bán, doanh thu; bộ phận kế toán tài chính ghi nhận đủ chi phí đầu vào.
- Kế toán quản trị phân bổ các khoản chi phí chung (chưa xác định đầy đủ chiều phân tích) đến từng đối tượng theo tiêu chí xác định.
- Quy trình phân bổ bao gồm các bước chính:
  - o Phân bổ chi phí chung → phòng ban chi tiết
  - o Phân bổ chi phí từ các Trung tâm chi phí sang Loại hình kinh doanh
    - Từ TTCP Phòng ban → các chiều phân tích theo tiêu thức Doanh thu chung toàn công ty.
    - Từ TTCP Cửa hàng → chiều phân tích. Tiêu thức phân bổ: Doanh thu của từng cửa hàng
  - o Phân bổ chi phí giữa các đối tượng chiều phân tích:
    - Phân bổ chi phí từ LHKD → Phương thức, mặt hàng.
      - Đối với phần chi phí tại văn phòng, chỉ phân bổ tới phương thức bán tại văn phòng (Nội bộ/Bán nhượng quyền/ Bán lẻ).
      - Đối với phần chi phí của từng cửa hàng: chỉ phân bổ tới Phương thức bán lẻ của cửa hàng đó.
    - Tiêu thức phân bổ:
      - Phân bổ theo doanh thu
- Đối với loại hình dịch vụ: sử dụng 1 phương thức 15 – Bán dịch vụ, mặt hàng tương ứng với loại hình dịch vụ đó.

## 5.2 Sơ đồ nghiệp vụ



## 5.3 Hướng dẫn thực hiện

### 5.3.1 Đường dẫn

- **Đường dẫn:** Costing/ Công việc cuối kỳ/ Overhead expenses

### 5.3.2 Hướng dẫn chi tiết

#### **Bước 1: Load dữ liệu tiêu thức phân bổ**

Mục đích: dữ liệu tiêu thức phân bổ thay đổi khi có phát sinh mới/ chỉnh sửa/ hủy bỏ chứng từ bên kinh doanh. Do vậy cần phải xác định thời điểm load dữ liệu để phân bổ sau khi đã chốt số liệu giữa các phòng ban. Nếu có phát sinh điều chỉnh sau khi phân bổ, cần thông báo cho người chạy phân bổ để cập nhật lại số liệu.

Có 02 nhóm công thức phân bổ cần load dữ liệu cuối kỳ (hàng tháng)

- Costing/ Công việc cuối kỳ/ Công thức phân bổ - Trung tâm chi phí

Tiếp theo nhấn nút để load dữ liệu và nhấn Save để lưu lại

Cost Center	Units used by target
01 - Chi phí chung tới Các phòng ban 5011003 - Phòng Kế hoạch tổng hợp	27
01 - Chi phí chung tới Các phòng ban 5011002 - Phòng Tài chính kế toán	5
01 - Chi phí chung tới Các phòng ban 5011001 - Ban Giám đốc	3

- Costing/ Công việc cuối kỳ/ Công thức phân bổ - Chiều phân tích

**Detailed Monthly Cost Center**

Year 2020 month 2

Chon Năm / tháng muốn phân bổ:  
Hệ thống hiển thị các Trung tâm chi phí  
thuộc loại "To all demesions"

=> Reload data for all cost centers => Post Overhead Expense

•103101 Ban Giám đốc •103102 Phòng Tài chính kế toán •103103 Phòng Tổ chức HC -Kỹ Thuật •103104 Phòng Kinh doanh vận tải •103201 Tổ vận tải Đồng Tháp •103202 Tổ vận tải An Giang •103203 Tổ vận tải Bến Tre •103204 Tổ vận tải Cà Mau •103205 Tổ vận tải Tây Nam Bộ •103206 Tổ vận tải Tiền Giang •103207 Tổ vận tải Trà Vinh •103208 Tổ vận tải Vĩnh Long

Reload

	LHKD	PTBH	Mặt hàng	Doanh thu
1	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ	65C12706	94,557,000
2	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ	65C12746	90,358,000
3	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ	65C12803	41,530,000
4	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ	65C12805	83,745,000
5	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ	65C12849	88,663,000
6	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ	65C12856	47,377,000
7	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ	65C12892	82,720,000
8	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ	65C12912	84,406,000
9	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ	65C12929	64,603,000
10	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ	65C12948	89,658,000
11	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ	65C12965	83,492,000
12	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ	65C12982	94,164,000
13	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ	65C12988	92,752,000

Kích chọn từng TTCP để xem tiêu thức phân bổ chi tiết

Sau đó, thực hiện nhấn => Reload data for all cost centers để lấy toàn bộ dữ liệu tiêu thức phân bổ.

Muốn xem kết quả đã thực hiện: Click vào từng trung tâm chi phí để xem:

**Detailed Monthly Cost Center Dimensions Distribution**

Year 2020 month 2

•103101 Ban Giám đốc •103102 Phòng Tài chính kế toán •103103 Phòng Tổ chức HC -Kỹ Thuật •103104 Phòng Kinh doanh vận tải •103201 Tổ vận tải Đồng Tháp

Reload

	LHKD	PTBH	Mặt hàng	Doanh thu
1	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ	65C12706	94,557,000
2	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ	65C12746	90,358,000
3	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ	65C12803	41,530,000
4	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ	65C12805	83,745,000
5	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ	65C12849	88,663,000
6	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ	65C12856	47,377,000
7	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ	65C12892	82,720,000
8	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ	65C12912	84,406,000
9	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ	65C12929	64,603,000
10	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ	65C12948	89,658,000
11	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ	65C12965	83,492,000
12	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ	65C12982	94,164,000
13	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ	65C12988	92,752,000

Có thể load tiêu thức của từng TTCP mà không ảnh hưởng tới TTCP khác

**Bước 2: Chạy phân bổ chi phí**

- Đường dẫn: Costing/ Công việc cuối kỳ/ Phân bổ chi phí chung (hoặc T-code CO3)

Sau khi hoàn thành các bước load Công thức phân bổ, thực hiện phân bổ chi phí: hệ thống tự động tính toán dựa trên tiêu thức đã xác định



### Giải thích các trường thông tin

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Default	Bắt buộc
1	Year	Năm chạy phân bổ	Ngày hiện tại trên hệ thống	x
2	Month	Kỳ chạy phân bổ		x
3	Post	Chạy chức năng phân bổ		
4	Reversal	Hủy phân bổ		
5	Demensions ditribution against	Lựa chọn tiêu thức phân bổ, hiện tại chỉ sử dụng 1 loại cấu hình doanh thu	Doanh thu	



### Bước 3: Kiểm tra kết quả phân bổ

- Costing/ Báo cáo/ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh xăng dầu theo phương thức và mặt hàng

[Chọn nhánh] ▼ From Date: 01/01/2020 To Date: 31/01/2020 23:59

Phương thức :

Chọn đầu ra : HTML

**TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ XĂNG DẦU PETROLIMEX**  
Văn phòng Tổng công ty



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH XĂNG DẦU THEO PHƯƠNG THỨC VÀ MẶT HÀNG**

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2020 23:59  
Phương thức:

STT	Diễn giải	Số lượng	Doanh thu		Giá vốn		Lãi gộp		Chi phí		Lợi nhuận	
			Số tiền	VND/L.Kg	Số tiền	VND/L.Kg	Số tiền	VND/L.Kg	Số tiền	VND/L.Kg	Số tiền	VND/L.Kg
<b>1</b>	<b>BẢN LÊ</b>	<b>293,066</b>	<b>5,003,912,653</b>		<b>4,650,971,131</b>		<b>352,941,522</b>					<b>103,513,858</b>
1	Xăng E5 RON 92-II	50,904	944,611,979	18,557	868,734,801	17,066	75,877,178	1,491	47,085,626	925	28,791,552	566
2	Xăng RON95-IV	85,699	1,686,809,270	19,683	1,578,966,056	18,424	107,843,214	1,258	84,081,583	981	23,761,631	277
3	DO 0.05S-II	156,463	2,372,491,404	15,163	2,203,270,275	14,082	169,221,129	1,082	118,260,455	756	50,960,674	326
<b>2</b>	<b>NHƯỢNG QUYÊN THƯƠNG MẠI</b>	<b>14,318,215</b>	<b>229,975,254,004</b>		<b>229,276,840,534</b>		<b>698,413,470</b>		<b>525,934,971</b>		<b>172,478,499</b>	
1	Xăng E5 RON 92-II	2,886,792	49,669,701,479	17,206	49,522,336,803	17,155	147,364,676	51	113,573,974	39	33,790,701	12
2	Xăng RON95-III	2,686,293	48,970,047,472	18,230	48,862,548,621	18,190	107,498,851	40	112,045,040	42	(4,546,189)	(2)
3	Xăng RON95-IV	1,540,819	28,418,065,297	18,443	28,341,024,348	18,393	77,040,949	50	64,983,883	42	12,057,067	8
4	Dầu hỏa	120,805	1,680,997,515	13,915	1,633,438,852	13,521	47,558,663	394	3,749,128	31	43,809,535	363
5	DO 0.05S-II	5,693,937	81,151,357,127	14,252	80,902,046,037	14,208	249,311,090	44	185,654,174	33	63,656,915	11
6	DO 0.001S-V	1,340,559	19,550,494,100	14,584	19,483,305,358	14,534	67,188,742	50	44,706,316	33	22,482,425	17
7	Mazut No2B (3.5S)	49,010	534,591,014	10,908	532,140,514	10,858	2,450,500	50	1,222,455	25	1,228,045	25
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14,611,281</b>	<b>234,979,166,657</b>		<b>233,927,811,665</b>		<b>1,051,354,992</b>		<b>775,362,635</b>		<b>275,992,357</b>	

- Costing/ Báo cáo/ Báo cáo quản trị vận tải theo tổ đội

[Chọn nhánh] ▼ Từ ngày: 01/02/2020 đến ngày: 29/02/2020 23:59

Đội xe :

Định dạng hiển thị : HTML

**CHI NHÁNH VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX CẦN THƠ**  
Chi nhánh Vận Tải và Dịch Vụ Petrolimex Cần Thơ



**BÁO CÁO QUẢN TRỊ VẬN TẢI THEO TỔ ĐỘI**

Từ ngày 01/02/2020 đến ngày 29/02/2020 23:59

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng	Trong đó:									
			CT11. DNTN Vận tải Trí Thành	CT08. Đội xe Vĩnh Long	CT07. Đội xe Trà Vinh	CT06. Đội xe Đồng Tháp	CT05. Đội xe Cà Mau	CT04. Đội xe Bến Tre	CT03. Đội xe An Giang	CT02. Đội xe Tiền Giang	CT01. Đội xe Tây Nam Bộ	[Total]
<b>1</b>	<b>Trọng tải xe</b>	<b>1,014,000</b>	<b>18,000</b>	<b>112,000</b>	<b>68,000</b>	<b>184,000</b>	<b>50,000</b>	<b>97,000</b>	<b>84,000</b>	<b>149,000</b>	<b>252,000</b>	<b>1,014,000</b>
1.1	Khối lượng vận chuyển (m3 hoặc tấn)	46,772,000	18,000	5,050,000	3,963,000	5,913,000	3,484,000	7,103,000	3,922,000	9,996,000	7,323,000	46,772,000
1.2	Sản lượng luân chuyển (m3.km)	2,221,813,000	678,000	287,267,000	111,944,000	601,973,000	123,633,000	186,445,000	235,821,000	262,185,000	411,867,000	2,221,813,000
<b>2</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>4,405,673,000</b>	<b>1,510,000</b>	<b>581,572,000</b>	<b>284,618,000</b>	<b>1,038,025,000</b>	<b>297,103,000</b>	<b>529,867,000</b>	<b>392,101,000</b>	<b>661,909,000</b>	<b>618,968,000</b>	<b>4,405,673,000</b>
2.1	Doanh thu	4,405,673,000	1,510,000	581,572,000	284,618,000	1,038,025,000	297,103,000	529,867,000	392,101,000	661,909,000	618,968,000	4,405,673,000
2.2	Doanh thu phí cước cầu đường											
<b>3</b>	<b>Tổng chi phí, giá thành vận tải</b>	<b>5,223,703,812</b>		<b>706,831,604</b>	<b>237,545,312</b>	<b>996,786,178</b>	<b>321,932,875</b>	<b>413,155,959</b>	<b>668,804,882</b>	<b>610,874,029</b>	<b>1,267,772,974</b>	<b>5,223,703,812</b>
3.01	Chi phí tiền lương	672,483,301		79,808,351	44,416,145	130,984,687	53,956,929	71,362,473	63,477,770	109,427,640	119,049,306	672,483,301
3.02	Chi phí BHXH BHYT, BHTN, KPCĐ	95,775,190		11,212,555	6,256,170	17,517,975	7,689,435	10,051,655	9,921,700	15,594,600	17,531,100	95,775,190
3.03	Chi khác cho người lao động	164,094,253		20,909,400	10,924,242	29,386,533	13,234,545	17,720,860	15,268,267	25,310,533	31,339,873	164,094,253
3.04	Khấu hao tài sản cố định	825,686,840		68,998,964	69,197,045	158,354,312	60,026,710	97,603,830	69,164,043	121,322,576	181,019,360	825,686,840